TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2026
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Học
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Quốc Hòa
Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị Nam, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)
Căn cước công dân số: 038177013402
Địa chỉ: Thôn Long Hưng 5, xã Bình Tân, thành phố Đồng Nai
- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn Thanh, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Long Hưng 5, xã Bình Tân, thành phố Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chu Thị Nam trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nam và ông Thanh tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là UBND xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 12/7/2001. Trong đời sống hôn nhân, cả hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nam yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Thanh.

- *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình chung

sống, bà Nam và ông Thanh có 02 con chung gồm cháu Hoàng Việt Đức, sinh ngày 29/8/2001 và cháu Hoàng Ngọc Thảo, sinh ngày 10/6/2003. Do cháu Đức và cháu Thảo đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn Thanh vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Chu Thị Nam.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn bà Chu Thị Nam thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Hoàng Văn Thanh có nơi đăng ký thường trú tại thôn Long Hưng 5, xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nam và ông Thanh tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là UBND xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 12/7/2001. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nam và ông Thanh là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà Nam và ông Thanh phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà Nam và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nam và ông Thanh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà Nam xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên

cãi nhau, bà xác định không thể sống chung với ông Thanh được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thanh vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà Nam các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà Nam xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân, bà kiên quyết được ly hôn với ông Thanh, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Nam và ông Thanh đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nam, bà Nam được ly hôn với ông Thanh.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà Nam và ông Thanh có 02 con chung gồm cháu Hoàng Việt Đức, sinh ngày 29/8/2001 và cháu Hoàng Ngọc Thảo, sinh ngày 10/6/2003. Do cháu Đức và cháu Thảo đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự chưa yêu cầu giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nam phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Nam.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Chu Thị Nam được ly hôn với ông Hoàng Văn Thanh.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nam và ông Thanh chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 do UBND xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là UBND xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 12/7/2001 cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. -

- *Về con chung:* Do các con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Do các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nam phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012402, ngày 24/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đồng Nai.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND xã Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Duy Học